TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Khối M, phường B, thành V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Khối M, phường B, thành V, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: 48-1 Gimhae-daero 1031 beonan-gil, Hallim-myeon Gimhae -si, Gyeongsangnam-do, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành V, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh V đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Thời gian đầu anh V có về Việt Nam để thăm vợ, con vài lần nhưng đến năm 2017 thì giữa chị và anh V ít liên lạc, anh V không còn quan tâm đến gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung và anh V có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Hiện tại, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy V.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy V có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 22/01/2009. Hiện con chung đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh V thỏa thuận, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, tính từ tháng 11 năm 2019 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Duy V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy V đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Anh được chị Nguyễn Thị H thông báo về việc chị nộp đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Do đó, anh đã gửi các tài liệu, sổ hộ chiếu, văn bản trình bày ý kiến và xin xử vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2012 thì anh đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Đến năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn, do vợ chồng ở xa nhau lại không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị Nguyễn Thị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 22/01/2009. Hiện con chung đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng, tính từ tháng 11năm 2019 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh Nguyễn Duy V đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam và có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến mẹ của anh là bà Lê Thị L, sinh năm 1960, trú tại: Số nhà B, đường Nguyễn Đức Đ, Khối M, phường B, thành V, tỉnh Nghệ An và bà L sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy V, hiện cư trú tại nước Hàn Quốc; trước xuất cảnh, anh V có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Nguyễn Duy V không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Duy V đang cư trú ở nước ngoài nhưng đã gửi các tài liệu, sổ hộ chiếu, văn bản trình bày ý kiến có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, chị H đã được đọc văn bản trình bày ý kiến của anh V, thừa nhận các nội dung trình bày và chữ ký của anh V là đúng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử có mặt chị H, vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành V, tỉnh Nghệ An vào ngày 11 tháng 01năm 2007, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì

anh V đi xuất khẩu lao động sang nước Hàn Quốc. Thời gian đầu anh V có về Việt Nam để thăm gia đình. Từ năm 2017 trở đi thì giữa chị H và anh V ít liên lạc với nhau, do vợ chồng không có tiếng nói chung và thiếu tin tưởng nhau nên dẫn đến tình cảm phai nhạt. Hiện tại, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V có 01 con chung. Hiện con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H và anh V thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của con, đó là: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy Q, sinh ngày 22/01/2009. Anh Nguyễn Duy V thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, tính từ tháng 11 năm 2019 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Duy V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy V có 01 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy Q, sinh ngày 22/01/2009. Anh Nguyễn Duy V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, tính từ tháng 11 năm 2019 trở đi cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004030 ngày 08/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Anh Nguyễn Duy V phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con (anh V chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Duy V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường B, tp V, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh